

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

**SỔ GIAO DỊCH CHUYỂN KHOẢN
TP. HỒ CHÍ MINH**

QUÝ 3 NĂM 2010

TP. HỒ CHÍ MINH

Đơn vị tính: VND

ĐẾN Số: 33771
Giờ: Ngày 19 tháng 11 năm 2010

	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	202,217,762,660	130,137,582,119	540,724,702,547	329,057,630,393
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	-	-	-	86,580
3. Doanh thu thuần	10	VI.1	202,217,762,660	130,137,582,119	540,724,702,547	329,057,543,813
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	158,051,775,561	90,357,017,930	398,219,455,817	232,470,001,428
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		44,165,987,099	39,780,564,189	142,505,246,730	96,587,542,385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,780,681,646	1,965,242,451	6,222,324,084	7,125,202,119
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,525,245,784	9,834,981,393	37,974,827,718	23,006,156,470
8. Chi phí bán hàng	24		3,593,873,199	1,115,314,452	9,705,746,178	4,318,352,152
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,772,157,022	10,364,379,080	31,470,525,254	29,238,877,093
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		23,055,392,740	20,431,131,715	69,576,471,664	47,149,358,789
11. Thu nhập khác	31		375,920,382	19,821,207,699	644,924,026	19,922,728,464
12. Chi phí khác	32		125,869,086	33,054,855	145,763,687	33,409,162
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		250,051,296	19,788,152,844	499,160,339	19,889,319,302
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	33		1,256,777,476	1,128,187,431	3,323,704,481	5,151,163,744
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24,562,221,512	41,347,471,990	73,399,336,484	72,189,841,835
16. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	6,079,150,173	7,209,703,193	17,597,804,909	11,366,162,485
17. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=51-52)	60		18,483,071,339	34,137,768,797	55,801,531,575	60,823,679,350
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(45,222,979)	(15,699,763)	29,662,507	(63,108,173)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		18,528,294,318	34,153,468,561	55,771,869,068	60,886,787,524
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1,178	2,389	3,775	4,591

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẰNG NGUYỄN

TP. HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2010

Tổng Giám Đốc



TRẦN HỮU CHINH